

BÁO CÁO**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
của Bộ Nội vụ Quý I năm 2025**

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 252/QĐ-BNV ngày 22/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch CCHC của Bộ Nội vụ năm 2025, Bộ Nội vụ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC Quý I năm 2025, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

Trong Quý I năm 2025, Bộ Nội vụ tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ CCHC, bám sát các nội dung của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030. Với vai trò cơ quan thường trực của Chính phủ về CCHC, Bộ Nội vụ (trực tiếp là Vụ Cải cách hành chính) đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan để tổ chức Phiên họp thứ chín của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ “Đánh giá kết quả triển khai công tác CCHC năm 2024, bàn phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC năm 2025” (ngày 15/01/2025). Thực hiện nhiệm vụ của Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị được giao phụ trách đẩy mạnh công tác cải cách TTHC theo Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Tổ công tác.

Triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2024, Bộ đã khẩn trương hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2024¹. Ngay từ đầu năm 2025, cùng với việc hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện, Bộ Nội vụ đã tích cực, chủ động tiến hành các hoạt động tự chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2024 của Bộ, như: Thành lập Tổ chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2024 của Bộ Nội vụ (Tổ chấm điểm), tổ chức họp Tổ chấm điểm và ban hành các văn bản phân công triển khai tự chấm điểm cho các đơn vị trong Bộ². Cùng với đó, Bộ đang khẩn trương triển khai, hoàn thành Kế hoạch xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024. Theo đó, Báo cáo Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính 2024 (SIPAS 2024) và Báo cáo Chỉ số CCHC 2024 (PAR INDEX 2024) đang được khẩn trương xây dựng, hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để công bố vào đầu Quý II/2025.

¹ Công văn số 8131/BNV-CCHC ngày 13/12/2024.

² Trong thời gian này, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã triển khai tổ chức các hoạt động xác định Chỉ số CCHC năm 2024 của Bộ.

Bộ Nội vụ đã ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025; ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước” năm 2025³; Kế hoạch tổng kết CCHC giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Nội vụ⁴; Kế hoạch tăng cường năng lực công chức thực hiện CCHC năm 2025⁵; Kế hoạch thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2025⁶, trong đó đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền CCHC với nhiều hình thức, nội dung phong phú. Các website (Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ: <https://moha.gov.vn>; Tạp chí điện tử Tổ chức nhà nước và Lao động: <https://tcnn.vn>, Báo Dân trí: <https://dantri.com.vn>,...) do Bộ Nội vụ quản lý thường xuyên đăng tin bài về hoạt động CCHC của các bộ, ngành, địa phương, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), người dân và xã hội về CCHC. Bản tin điện tử về CCHC tiếp tục được phát hành hàng tuần trên Trang thông tin điện tử CCHC nhà nước của Bộ Nội vụ - Cơ quan thường trực CCHC của Chính phủ (<https://caicachhanhchinh.gov.vn>) và Kênh thông tin Zalo - OA của Bộ Nội vụ, qua đó đã trở thành kênh thông tin, truyền thông thường xuyên, hữu ích để trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm, cách làm hay về CCHC; thông tin về chỉ đạo, điều hành công tác CCHC của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cũng như các hoạt động về CCHC của các bộ, ngành, địa phương.

2. Cải cách thể chế

- Công tác xây dựng, thẩm định VBQPPL: Trong Quý I năm 2025, Bộ đã ban hành Kế hoạch pháp chế năm 2025⁷ và Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2025 của Bộ⁸; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc rà soát, lập danh mục các văn bản quy định chi tiết để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai theo đúng kế hoạch; theo dõi, đôn đốc tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết đảm bảo tiến độ, chất lượng. Hằng tháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ luôn chỉ đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ tập trung công tác xây dựng VBQPPL của Bộ Nội vụ theo kế hoạch đã ban hành; đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể chế, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống VBQPPL ngành Nội vụ. Trong Quý I/2025 (từ ngày 15/12/2024 đến thời điểm báo cáo):

+ Giai đoạn từ ngày 15/12/2024 đến ngày 28/02/2025: Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình Chính phủ để trình Quốc hội thông qua **02** Luật, **02** Nghị quyết, trình Chính phủ ban hành **07** Nghị định, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành theo thẩm quyền **02** Thông tư; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành **02** Nghị định, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành theo thẩm quyền **07** Thông tư.

³ Quyết định số 25/QĐ-BNV ngày 16/01/2025.

⁴ Quyết định số 145/QĐ-BNV ngày 03/3/2025.

⁵ Quyết định số 40/QĐ-BNV ngày 04/3/2025.

⁶ Quyết định số 049/QĐ-BNV ngày 01/3/2025.

⁷ Quyết định số 11/QĐ-BNV ngày 10/01/2025.

⁸ Quyết định số 983/QĐ-BNV ngày 31/12/2024.

+ Từ ngày 01/3/2025, sau khi hợp nhất, Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành **01** Nghị định, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền **01** Thông tư.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

Về cơ bản, việc xây dựng, ban hành VBQPPL thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành VBQPPL. Các VBQPPL về lĩnh vực Nội vụ đều bảo đảm tính khả thi và đồng bộ. Đến nay, Bộ Nội vụ không có văn bản nợ ban hành quy định chi tiết. Theo đề nghị của các cơ quan, Bộ Nội vụ đã cử đại diện tham gia đầy đủ các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng các VBQPPL. Việc phối hợp với các cơ quan, đặc biệt là Bộ Tư pháp trong công tác xây dựng pháp luật, tham gia các Hội đồng thẩm định, tư vấn thẩm định VBQPPL được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Các dự thảo VBQPPL do các bộ, ngành gửi lấy ý kiến đều được Bộ Nội vụ tham gia, trả lời theo đúng yêu cầu.

- Công tác kiểm tra VBQPPL: Bộ đã ban hành Kế hoạch kiểm tra VBQPPL năm 2025⁹; thực hiện Kế hoạch, Bộ đã chủ trì kiểm tra VBQPPL do các bộ, ngành, địa phương ban hành gửi về Bộ Nội vụ theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL, đồng thời tự kiểm tra VBQPPL do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành.

- Công tác rà soát VBQPPL, công tác hợp nhất VBQPPL công tác pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật¹⁰; công tác theo dõi thi hành pháp luật¹¹ đã được Bộ nghiêm túc tổ chức thực hiện theo quy định và đạt kết quả tốt.

- Về Cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về pháp luật: Bộ đã tổ chức thực hiện nghiêm quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về CSDL quốc gia về pháp luật; trong Quý I năm 2025, Bộ đã cập nhật lên CSDL quốc gia về pháp luật **05** Nghị định và **06** Thông tư.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Công tác kiểm soát TTHC:

Trong Quý I năm 2025, Bộ Nội vụ đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ¹²; ban hành và triển khai Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025 của Bộ Nội vụ¹³; triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ¹⁴.

b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC:

- *Kết quả thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*

Thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ sau khi hợp nhất có **16** TTHC cần thực thi phương án phân cấp theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày

⁹ Quyết định số 66/QĐ-BNV ngày 14/02/2025.

¹⁰ Quyết định số 37/QĐ-BNV ngày 06/02/2025.

¹¹ Quyết định số 42/QĐ-BNV ngày 24/01/2025.

¹² Văn bản số 293/BNV-VP ngày 13/3/2025, Văn bản số 304/BNV-VP ngày 13/3/2025.

¹³ Quyết định số 235/QĐ-BNV ngày 17/3/2025.

¹⁴ Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025.

30/8/2022 của Chính phủ; thực thi phương án phân cấp **15/16** TTHC, còn **01/16** TTHC chưa thực thi phương án phân cấp lĩnh vực An toàn lao động (liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động, lộ trình thực hiện giai đoạn 2022 - 2025).

- *Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ*

Bộ Nội vụ hoàn thành cắt giảm, đơn giản hóa **71/71** quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (các lĩnh vực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển về Bộ Nội vụ) được phê duyệt Quyết định số 2230/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, trong đó:

+ Đơn giản hóa **15** điều kiện kinh doanh lĩnh vực Lao động ngoài nước (**10** TTHC và **05** yêu cầu điều kiện) theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ, bổ sung phương thức nộp trên môi trường điện tử, bổ sung việc trả kết quả trên môi trường điện tử để đảm bảo đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình và một phần; các TTHC này đã được Bộ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

+ Đơn giản hóa **56** điều kiện kinh doanh (**49** tiêu chuẩn, quy chuẩn và **07** TTHC) lĩnh vực An toàn lao động theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ, bổ sung phương thức nộp trên môi trường điện tử, bổ sung việc trả kết quả trên môi trường điện tử để đảm bảo đủ điều kiện cung cấp DVCTT toàn trình và một phần; các TTHC này đã được Bộ trình Chính phủ để sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13/2/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Ngoài ra, đối với **12** quy định kinh doanh thuộc lĩnh vực Lưu trữ (bao gồm **02** TTHC, **06** yêu cầu, điều kiện và **04** tiêu chuẩn, quy chuẩn): Bộ đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Lưu trữ năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025), trong đó cắt giảm, đơn giản hóa **05/12** quy định kinh doanh, cụ thể:

+ Về TTHC: Bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra nghiệp vụ lưu trữ; đơn giản hóa thủ tục cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ (chứng chỉ hành nghề lưu trữ sử dụng vĩnh viễn thay vì có thời hạn sử dụng 05 năm như hiện nay; cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ).

+ Về yêu cầu điều kiện: Chỉ yêu cầu có Chứng chỉ hành nghề lưu trữ đối với cá nhân phụ trách kỹ thuật, nghiệp vụ khi thực hiện dịch vụ lưu trữ thay vì tất cả các cá nhân phải có Chứng chỉ hành nghề lưu trữ như hiện nay; người có bằng cao đẳng trở lên chuyên ngành Lưu trữ không yêu cầu phải có Chứng chỉ hành

nghề lưu trữ khi thực hiện dịch vụ lưu trữ; cá nhân độc lập kinh doanh dịch vụ lưu trữ không phải đăng ký hoạt động dịch vụ lưu trữ tại cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lưu trữ và không cần có cơ sở vật chất phù hợp.

- Kết quả thực thi 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư

Thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã có văn bản gửi các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ thực hiện nghiêm việc không yêu cầu cá nhân, tổ chức xuất trình hoặc nộp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú và các giấy tờ chứng minh về cư trú trong quá trình giải quyết TTHC, DVC¹⁵.

Bộ đã tham mưu sửa đổi, bổ sung **03** Nghị định và ban hành **02** Thông tư, thực thi phương án đơn giản hóa giấy tờ công dân đối với **31/31** TTHC (thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ sau khi hợp nhất) theo 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư.

- Kết quả thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp

Thực hiện sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 về việc đẩy mạnh cải cách TTHC cấp Phiếu lý lịch tư pháp tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó, Bộ Nội vụ có **06** TTHC cần thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp. Đến nay, Bộ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP, bỏ yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp từ phía cá nhân, thay bằng biện pháp cơ quan tuyển dụng chủ động yêu cầu Phiếu lý lịch tư pháp tại khoản 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp đối với **02** TTHC: Thủ tục thi tuyển công chức; Thủ tục xét tuyển công chức. Bên cạnh đó, Bộ đang tham mưu sửa đổi **03** Nghị định thuộc các lĩnh vực: Quản lý lao động ngoài nước; Quan hệ lao động và Tiền lương; Việc làm để bãi bỏ các quy định về yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp đối với **04** TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ¹⁶.

c) Về công bố, công khai TTHC:

Trong Quý I năm 2025, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Quyết định bãi bỏ **04** TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà

¹⁵ Văn bản số 3713/BNV-VP ngày 15/7/2023.

¹⁶ Trước khi hợp nhất với Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp (Quyết định số 1734/QĐ-BLĐTBXH); Bộ đã có Văn bản số 4346/BLĐTBXH-VPC ngày 17/9/2024 về việc đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Văn bản số 4552/BLĐTBXH-VPC ngày 26/9/2024 về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp, Văn bản số 5881/BLĐTBXH-VPC ngày 19/11/2024 gửi Bộ Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp. Nghị định được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Chính phủ xem xét, ban hành.

nước của Bộ Nội vụ (lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng)¹⁷; xây dựng dự thảo các Quyết định công bố TTHC thuộc lĩnh vực: Thi đua - Khen thưởng; Chính quyền địa phương; Tổ chức - Biên chế; Quản lý lao động ngoài nước; Người có công; Tiền lương và Bảo hiểm xã hội; rà soát, cập nhật, công khai đầy đủ các TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trên CSDL quốc gia về TTHC.

d) Về triển khai dịch vụ công trực tuyến:

Việc triển khai thực hiện DVCTT vào tiếp nhận và giải quyết các TTHC là một trong những nội dung quan trọng trong CCHC được Bộ Nội vụ đẩy mạnh thực hiện trong thời gian qua. Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch¹⁸ nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp DVCTT của Bộ Nội vụ, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị để triển khai Kế hoạch đạt hiệu quả cao nhất. Hiện nay, Bộ Nội vụ có **111** TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ, có **15** TTHC triển khai thực hiện DVCTT toàn trình. Hệ thống DVCTT của Bộ Nội vụ được xây dựng tại địa chỉ <https://dichvucong.moha.gov.vn>, đáp ứng được các điều kiện theo quy định của Chính phủ, đảm bảo tính mở, phù hợp với thực tế khi kết hợp xử lý song song trên môi trường điện tử và truyền thống để từng bước điện tử hóa. Việc thực hiện số hóa và ký số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC (trừ văn bản Mật) được đảm bảo thực hiện 100%, quản lý và theo dõi trên phần mềm một cửa của Bộ Nội vụ. Bộ Nội vụ đã tích hợp tài khoản của Kho bạc Nhà nước trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, sẵn sàng cung cấp việc thực hiện thanh toán trực tuyến nếu các TTHC của Bộ có yêu cầu nộp phí.

- Đối với DVC giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp: Đã được đưa lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo đúng tiến độ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, việc nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia của người lao động đã được triển khai trên toàn quốc.

- Đối với DVC liên thông TTHC đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng và Hệ thống DVC liên thông lĩnh vực người có công đã cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ Nội vụ, đã hoàn thành việc đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng, đã thực hiện kết nối chính thức với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Đối với việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về dân cư với CSDL lao động, việc làm: Bộ phối hợp với C06, Bộ Công an đã hoàn thành Phần mềm thu thập, cập nhật, phát triển CSDL về lao động, việc làm gắn với CSDLQG về dân cư. Hiện nay, Bộ đang phối hợp với lực lượng công an địa phương để cập nhật, xác minh, bổ sung thông tin về người lao động trên CSDLQG về dân cư.

- Đối với việc rà soát, tái cấu trúc quy trình, số hóa và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia **05** TTHC, nhóm TTHC tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 và Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024. Kết quả như sau:

¹⁷ Quyết định số 67/QĐ-BNV ngày 15/02/2025.

¹⁸ Kế hoạch số 7288/KH-BNV ngày 14/11/2024.

+ Đối với TTHC “Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý”, Bộ đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, theo đó, Bộ Nội vụ bãi bỏ TTHC này vì đã thực hiện chi trả bằng tiền, không cấp bằng hiện vật.

+ Đối với TTHC “Thăm viếng mộ liệt sĩ”, trước hợp nhất, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng Quy trình liên thông điện tử và đang lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan. Bộ đang phối hợp với Công ty cổ phần Lotus Gold Việt Nam và Công ty điện tử FSC xây dựng quy trình nộp và xử lý hồ sơ các dịch vụ công, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng vào tháng 3/2025.

+ Đối với TTHC “Thông báo tìm kiếm việc làm hằng tháng”: Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 5016/VPCP-KSTT ngày 16/7/2024 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang, theo đó, thời gian tái cấu trúc nhóm TTHC này để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình sẽ được triển khai ngay sau khi Luật Việc làm (sửa đổi) có hiệu lực thi hành.

+ Đối với TTHC “Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi - chuyển đến)”: Ngày 31/12/2024, Bộ đã có Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc xem xét, quyết định ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy trình thực hiện liên thông điện tử nhóm TTHC “Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi - chuyển đến)”. Ngày 03/01/2025, Văn phòng Chính phủ có Phiếu báo số 21/PB-VPCP đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1071/VPCP-TH ngày 22/02/2023 về việc gửi hồ sơ trình giải quyết công việc. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang phối hợp với các cơ quan có liên quan trao đổi, thống nhất trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

+ Đối với nhóm TTHC “Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và cấp Phiếu lý lịch tư pháp”: Bộ đã dự thảo Quyết định liên thông điện tử nhóm thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và cấp Phiếu lý lịch tư pháp, gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành và địa phương. Đến nay, Bộ đã nhận được **32/81** ý kiến, đang tổng hợp để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành.

đ) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Bộ:

Bộ Nội vụ hiện nay đang triển khai việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Hệ thống một cửa điện tử tại địa chỉ <https://dichvucong.moha.gov.vn>. Việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Hệ thống một cửa điện tử được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021). Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa của Bộ Nội vụ được thực hiện theo đúng quy định; 100% hồ sơ (trừ văn bản Mật) được số hóa theo dõi, quản lý và

giải quyết TTHC trên Phần mềm Một cửa của Bộ Nội vụ; không yêu cầu người dân, tổ chức cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa. Đồng thời, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Nội vụ đã được kết nối với CSDLQG về dân cư và kho dữ liệu cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia để phục vụ người dân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

e) Triển khai việc kết nối các CSDL của Bộ Nội vụ với CSDLQG về dân cư; quản lý, khai thác, vận hành hệ thống trang thiết bị, phần mềm, CSDL của Dự án xây dựng CSDL tích hợp ngành Nội vụ, Trung tâm điều hành thông minh Bộ Nội vụ (IOC) và dự án Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Bộ Nội vụ - Giai đoạn 1.

g) Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị trong giải quyết TTHC: Trong Quý I năm 2025, Bộ đã tiếp nhận **02** phản ánh, kiến nghị của các địa phương về các quy định, TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ và xem xét, xử lý **02/02** phản ánh, kiến nghị.

h) Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC: Trong Quý I năm 2025, Bộ Nội vụ tiếp tục triển khai thực hiện phổ biến, tuyên truyền về hoạt động kiểm soát TTHC qua nhiều hình thức¹⁹.

i) Phối hợp với Văn phòng Chính phủ hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ, khai thác kết quả số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC điện tử giữa các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

k) Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

a) Về hoàn thiện thể chế:

- Ngày 18/02/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Tổ chức Chính phủ (Luật số 63/2025/QH15); trên cơ sở Luật Tổ chức Chính phủ, Bộ đã ban hành Văn bản số 1189/BNV-TCBC ngày 21/02/2025 gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Bộ đã hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo Kế hoạch triển khai, trình Thủ tướng Chính phủ để ban hành Kế hoạch²⁰.

¹⁹ Đội ngũ CCVC tại Bộ phận Một cửa của Bộ Nội vụ tiếp tục hướng dẫn người dân, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ đề nghị giải quyết TTHC trên Hệ thống một cửa điện tử của Bộ Nội vụ; niêm yết thông tin về TTHC tại Bộ phận Một cửa của Bộ; công khai thông tin về TTHC, kết quả giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ; tổ chức các tập huấn, hội thảo về Kiểm soát TTHC gắn với bối cảnh chuyển đổi số của Bộ Nội vụ để nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức cũng như đội ngũ CBCCVC của Bộ Nội vụ.

²⁰ Văn bản số 015/BNV-TCBC ngày 03/3/2025.

- Nghị quyết của Quốc hội về thành lập một số Bộ của Chính phủ khóa XV nhiệm kỳ 2021-2026: Tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

- Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP: Ngày 17/01/2025, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Thông tư 01/2025/TT-BNV hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Đề phù hợp với tình hình thực tiễn, Bộ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP theo trình tự rút gọn.

- Nghị định sửa đổi Nghị định quy định tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện: Ngày 28/02/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

- Đối với Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập: Bộ đang nghiên cứu sửa đổi, bổ sung 02 Nghị định này vào cùng 01 Nghị định bảo đảm đồng bộ, thống nhất với nội dung đề xuất chính sách sửa đổi Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.

- Bộ đang xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; tổng hợp, xây dựng báo cáo, bảo đảm tiến độ theo kế hoạch đã được ban hành (dự thảo Đề án tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ); nghiên cứu đề xây dựng Văn bản gửi các bộ, ngành, địa phương báo cáo để tổng hợp, xây dựng Báo cáo sơ kết 08 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW (thời hạn trình tháng 12/2025).

b) Về công tác tham mưu quản lý ngành, lĩnh vực:

- Về quản lý tổ chức bộ máy hành chính:

+ Phối hợp với các bộ, ngành triển khai phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; đồng thời thẩm định dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, ngành theo tinh thần chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW. Đến nay, **21/22** bộ, ngành đã trình Chính phủ ký ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, ngành mình (đối với Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ, Bộ đang hoàn thiện để báo cáo Bộ Chính trị²¹).

+ Xây dựng Báo cáo việc tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục

²¹ Theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Văn bản số 13438-CV/VPTW ngày 18/02/2025 của Văn phòng Trung ương.

đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2024 của Ban Chấp hành Trung ương, gắn với việc thành lập và hoạt động của các đảng bộ mới (phục vụ Đoàn kiểm tra của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2025 theo Quyết định số 1910-QĐNS/TW), gửi Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ và Văn phòng Ban cán sự đảng Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Đoàn kiểm tra theo quy định.

+ Thực hiện Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, để chuẩn bị báo cáo của Đảng ủy Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 37/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03/3/2025 đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII để tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Đảng ủy Chính phủ theo quy định.

+ Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định giải thể Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia theo thủ tục rút gọn, trình Chính phủ Nghị quyết giải thể Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Trong Quý I/2025, Bộ đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội, Bộ Chính trị các VBQPPL bảo đảm tiến độ: Trình Quốc hội thông qua Luật Tổ chức chính quyền địa phương tại Kỳ họp bất thường thứ 9 (tháng 2/2025); xây dựng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư Đề án sắp xếp đơn vị hành chính và định hướng tổ chức hệ thống chính trị ở địa phương. Triển khai nhiệm vụ sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương **02** cấp theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Xây dựng Báo cáo của Chính phủ đánh giá thực hiện Hiến pháp, đề xuất nội dung sửa đổi gửi Đảng ủy Quốc hội; phối hợp với Bộ Tư pháp tham mưu giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ Chính phủ phối hợp với các cơ quan Quốc hội chuẩn bị hồ sơ, báo cáo về chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 2013 và hồ sơ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp.

- Về quản lý đơn vị sự nghiệp công lập: Theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành tiếp tục rà soát, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần của Thông báo số 114/TB-BCĐĐMSXTCBM ngày 08/12/2023 của Ban Chỉ đạo Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về việc rà soát, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

c) Về quản lý biên chế, tinh giản biên chế, vị trí việc làm:

- Hiện nay, Bộ đang nghiên cứu, điều chỉnh biên chế giữa các bộ, ngành với địa phương theo phương án sắp xếp tổ chức bộ máy đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Đồng thời, tiếp tục rà soát, phối hợp với các bộ, ngành điều chỉnh và

sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định hướng dẫn vị trí việc làm theo ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao trong từng giai đoạn; xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

- Về kết quả thực hiện tình giản biên chế năm 2024: Bộ đã ban hành văn bản đề nghị các bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện tình giản biên chế năm 2024 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định (đến nay, đã có 40 bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo về Bộ Nội vụ). Ngày 04/3/2025, Bộ Nội vụ đã có Văn bản đôn đốc các bộ, ngành, địa phương còn lại và yêu cầu báo cáo trước ngày 10/3/2025 để tổng hợp, hoàn thiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

d) Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước thuộc phạm vi nội bộ của Bộ Nội vụ tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ. Thực hiện Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, trong Quý I/2025, Bộ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ (hợp nhất Bộ Nội vụ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Theo đó, cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ sau hợp nhất gồm có **22** đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ²².

Căn cứ Nghị định 25/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; để bộ máy tổ chức mới của Bộ đi vào hoạt động ngay, không để ngắt quãng công việc, không để khoảng trống về thời gian, bỏ trống địa bàn, lĩnh vực; không để ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, người dân,... Đồng thời, đảm bảo thực hiện nghiêm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính; khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ. Thời gian tới, Bộ tiếp tục trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định về danh sách các ĐVSNCL khác thuộc Bộ theo quy định; trình Bộ trưởng ký ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các ĐVSN thuộc các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ²³. Về kết quả tinh gọn tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ sau hợp nhất, cơ cấu tổ chức của Bộ cơ bản được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo yêu cầu, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ. Sau khi hợp nhất, Bộ Nội vụ **giảm 13** đơn vị đầu mối thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ (tỷ lệ giảm **37,14%**)²⁴; **giảm 57** tổ chức cấp Phòng thuộc Bộ (tỷ lệ giảm **36,54%**)²⁵.

²² Gồm các đơn vị: Vụ Tổ chức - Biên chế, Vụ Công chức - Viên chức, Vụ Chính quyền địa phương, Vụ Cải cách hành chính, Vụ Tổ chức phi chính phủ, Vụ Công tác thanh niên và Bình đẳng giới, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Cục Người có công, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Trung tâm Công nghệ thông tin, Viện Khoa học Tổ chức nhà nước và Lạc động, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, Báo Dân trí.

²³ Các đơn vị sự nghiệp thuộc: Văn phòng Bộ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục Người có công, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

²⁴ Trước khi hợp nhất, cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ có **18** đơn vị; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có **17** đơn vị hợp nhất với Bộ Nội vụ; tổng số là **35** đơn vị đầu mối.

²⁵ Giảm từ **156** tổ chức xuống còn **99** tổ chức; không tổ chức cấp Phòng trong Vụ, giảm **100%** tổ chức cấp Phòng trong Vụ (Trước khi hợp nhất, Vụ Kế hoạch - Tài chính thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có **03** phòng).

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về quản lý CBCCVC:

- Trong Quý I/2025, Bộ cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý đội ngũ CBCCVC và thẩm định nhân sự diện Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, quản lý; cơ bản hoàn thiện kế hoạch xây dựng VBQPPL theo Chương trình công tác của Bộ Nội vụ năm 2025, cụ thể: Về dự án Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi): Hiện nay, Bộ đang, xây dựng, hoàn thiện để trình Chính phủ trong tháng 5/2025; ban hành Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng CCVC; ban hành Quyết định số 171/QĐ-BNV ngày 12/3/2025 về việc giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi); ban hành Quyết định số 86/QĐ-BNV ngày 23/02/2025 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị định quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp: Bộ đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 244/TTr-BNV ngày 12/3/2025; Đề án nâng cao tỷ lệ CBCCVC người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2025 - 2030: Bộ đã trình Chính phủ tại Tờ trình 095/TTr-BNV ngày 06/3/2025; chuẩn bị tổ chức Hội nghị tổng kết Đề án “Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CBCC lãnh đạo, quản lý trẻ và cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ của chính quyền địa phương ở nước ngoài giai đoạn 2023 - 2025” vào ngày 28/3/2025; Đề án “Bồi dưỡng cán bộ Hội nông dân các cấp, chi hội trưởng nông dân và nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc giai đoạn 2025 - 2030”: Đã ban hành Văn bản số 1416/BNV-CCVC ngày 28/02/2025 báo cáo về việc thẩm định hồ sơ.

- Tổ chức kỳ thi thử kiểm định năm 2025 tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/3/2025; nghiên cứu, đề xuất chính sách đặc thù đối với người làm việc tại Bộ phận Một cửa: Đã có báo cáo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hoà Bình.

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học: Bộ chú trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của công chức trong đơn vị; đảm bảo các chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

c) Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng CCVC: Có nhiều đổi mới, đi vào thực chất, đánh giá năng lực và hiệu quả làm việc. Tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của Nhân dân theo quy định tại Chỉ thị số 26/CT-TTg về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước các cấp.

d) Công tác tuyển dụng, sử dụng CCVC: Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, đổi mới về tuyển dụng, quản lý và sử dụng CBCCVC gắn với tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm; tiếp tục tham mưu thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trong thực thi nhiệm

vụ, công vụ của CBCC; siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính bảo đảm sự thống nhất, liên thông giữa các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

đ) Tiếp tục phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, sửa đổi tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngành công chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để phù hợp với quy định mới của Luật sửa đổi bổ sung Luật Cán bộ, công chức; đối với hệ thống tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức: Đang phối hợp và đôn đốc các bộ, ngành triển khai sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức cho phù hợp với quy định của Luật Viên chức...

e) Về chính sách tiền lương:

- Chính sách tiền lương trong khu vực công: Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã có Phiếu ý kiến thành viên Chính phủ về Nghị định quy định chính sách trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; nghiên cứu, đề xuất chế độ phụ cấp đối với nhân viên hành chính ĐVSNNCL; tổng hợp kết quả rà soát việc đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, quyết định việc thực hiện cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù các cơ quan, đơn vị; báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc về việc xây dựng dự thảo báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội về thực hiện một số nội dung cải cách chính sách tiền lương trong khu vực công, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội²⁶; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện dự thảo Báo cáo trình Chính phủ tại Tờ trình số 542/TTr-BNV ngày 21/3/2025.

- Chính sách tiền lương trong khu vực sản xuất kinh doanh: Chủ trì, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện cải cách chính sách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội; xây dựng, trình và Chủ tịch Hội đồng tiền lương quốc gia đã ban hành kế hoạch hoạt động của Hội đồng năm 2025 về lương tối thiểu.

g) Về chính sách bảo hiểm xã hội:

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 và Nghị quyết số 142/2024/QH15 theo phân công của Chính phủ và Bộ, cụ thể: Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ, dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định Nghị định quy định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Văn bản số 610/BLĐTBXH-VBHXH ngày 18/02/2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ, dự thảo Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện tại Văn bản số 386/BLĐTBXH-VBHXH ngày 04/02/2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; nghiên cứu, xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực Bảo hiểm xã hội và CSDL quốc gia về bảo hiểm, gửi xin ý kiến các cơ quan theo quy định.

²⁶ Tờ trình số 036/TTr-BNV ngày 04/3/2025.

- Tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành; có văn bản báo cáo đề xuất xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc: (1) Dừng thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam; (2) Lùi thời hạn trình Nghị định về Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội sang tháng 5/2025 thay vì trước 01/3/2025 như kế hoạch giao tại Quyết định số 717/QĐ-TTg; rà soát các quy định pháp luật về lĩnh vực Bảo hiểm xã hội chịu tác động, liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy gửi Bộ Tư pháp; dự thảo văn bản trả lời Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có kiến nghị hướng dẫn thực hiện các quy định về chính sách, pháp luật bảo hiểm xã hội; tiếp tục hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ về cho phép đàm phán Hiệp định song phương về bảo hiểm xã hội giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản sau khi tiếp thu các ý kiến góp ý của các bộ, ngành, cơ quan liên quan.

h) Về lĩnh vực Quan hệ lao động: Xây dựng dự thảo hồ sơ Nghị định tổ chức đại diện người lao động và thương lượng tập thể.

i) Về lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước: Xây dựng Kế hoạch ban hành Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, dịch vụ môi giới theo hợp đồng môi giới đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và Kế hoạch xây dựng Quyết định ban hành văn bản định giá đối với dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; dịch vụ môi giới theo hợp đồng môi giới đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (dự kiến ban hành trong tháng 3/2025); dự thảo Quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập và Quyết định phê duyệt Kế hoạch xây dựng chiến lược đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (dự kiến ban hành trong tháng 3/2025).

k) Về lĩnh vực Thi đua - khen thưởng: Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Nghị quyết giải thích quy định về tiêu chuẩn “tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh” trong Luật Thi đua, khen thưởng²⁷; chuẩn bị kế hoạch triển khai Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 26/12/2024 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi đua, khen thưởng trong tình hình mới; xây dựng Báo cáo việc sửa đổi, bổ sung quy định khen thưởng quá trình cống hiến tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP; trình Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát và sửa đổi bổ sung Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng²⁸.

l) Về lĩnh vực công tác thanh niên và bình đẳng giới:

- Triển khai các nội dung của Luật Thanh niên và các Nghị định hướng dẫn một số điều của Luật Thanh niên; thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phân công tại Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; tổng hợp, xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên năm 2024; phối hợp với Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Văn phòng Chính phủ tổ chức

²⁷ Tờ trình số 56/TTr-CP ngày 04/02/2025.

²⁸ Tờ trình số 1030/TTr-BNV ngày 24/02/2025.

Chương trình Thủ tướng Chính phủ gặp mặt thanh niên năm 2024; ban hành văn bản đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp nhà nước tập trung xây dựng Nghị quyết của HĐND các cấp và Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định; ban hành Báo cáo kết quả công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước và chính quyền các cấp năm 2024, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

- Xây dựng báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024; ban hành báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2024 theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và của Bộ Nội vụ; phối hợp với Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội chuẩn bị nội dung cho Đoàn Phó Chủ tịch Quốc hội tham dự Khóa họp lần thứ 69 của Ủy ban Địa vị phụ nữ Liên hợp quốc tại Hoa Kỳ; chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và Bộ Công Thương nghiên cứu, góp ý cho dự thảo Kế hoạch công tác năm 2025 của Nhóm Đối tác chính sách về phụ nữ và kinh tế APEC (PPWE); đề xuất ưu tiên, phương hướng tham gia các hoạt động hợp tác về phụ nữ và kinh tế APEC năm 2025; tiếp tục thúc đẩy hợp tác với Đại sứ quán Úc tại Việt Nam trong Chương trình chấm dứt bạo lực với phụ nữ và trẻ em giai đoạn 2026 - 2032; phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024.

m) Về lĩnh vực Việc làm, an toàn, vệ sinh lao động: Ban hành Thông tư số 13/2024/TT-BLĐTBXH ngày 05/12/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2018/TT-BLĐTBXH. Theo đó, kể từ 01/02/2025 sửa đổi cơ quan tiếp nhận giải quyết TTHC công bố hợp quy; nghiên cứu, xây dựng Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp; phối hợp C06 (nay là C12) Bộ Công an xây dựng, kết nối dịch vụ công thực hiện thí điểm 06 thủ tục bảo hiểm thất nghiệp toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia; nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn - Vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

n) Về lĩnh vực Người có công và xã hội: Điều chỉnh hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng phù hợp với Luật tổ chức Chính phủ năm 2025 và Quyết định số 401/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công nhiệm vụ của các Phó Thủ tướng Chính phủ.

o) Về lĩnh vực Quản lý hội, quỹ và các tổ chức phi chính phủ: Xây dựng Văn bản hợp nhất 02 Nghị định: Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 93/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/11/2019 quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Nghị định số 93/2019/NĐ-CP; xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP; xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị

định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

p) Về lĩnh vực văn thư và lưu trữ: Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ năm 2024 tại Tờ trình số 1308/TTr-BNV ngày 25/02/2025; dự thảo, ban hành các Thông tư trong tháng 4 năm 2025: Quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số; Quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ; Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực Nội vụ.

q) Cải cách chế độ công vụ, công chức thuộc phạm vi nội bộ của Bộ Nội vụ được Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ quan tâm và tích cực đôn đốc, triển khai thực hiện. Triển khai Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ, trên cơ sở Nghị quyết của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về công tác cán bộ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành **114** Quyết định tiếp nhận, bổ nhiệm và bổ nhiệm CCVC giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Bộ. Về số lượng cấp phó của người đứng đầu tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ sau hợp nhất, trong thời gian tới, Bộ sẽ có các giải pháp thực hiện sắp xếp, bố trí theo cơ cấu hợp lý, bảo đảm thời gian sau 05 năm (tính từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định hợp nhất đơn vị), Bộ Nội vụ có số lượng cấp phó theo đúng quy định; tiếp nhận nguyên trạng CCVC chuyên môn, nghiệp vụ và người lao động từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tiến hành rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ để sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý, đáp ứng ngay yêu cầu công việc và thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo quy định.

Thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với CBCCVC, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; trên cơ sở nguyện vọng của CCVC, người lao động, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành các quyết định nghỉ hưu, thôi việc đối với **26** CCVC, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý kể từ ngày 01/3/2025. Đây là những CCVC tiên phong, gương mẫu, sẵn sàng nghỉ hưu trước tuổi để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp tổ chức, bộ máy của Bộ Nội vụ. Đối với CCVC, người lao động có nguyện vọng nghỉ sau ngày 01/3/2025, Bộ sẽ tổng hợp để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Cải cách tài chính công

a) Về công tác quản lý tài chính, ngân sách: Trong Quý I/2025, Bộ đã hoàn thành việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2025 cho các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Bộ²⁹; thực hiện công bố công khai dự toán NSNN năm 2025 của Bộ Nội vụ³⁰; báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2023 của Bộ Nội vụ, báo cáo quyết toán NSNN năm 2023 của Bộ Nội vụ³¹; đôn đốc các đơn vị dự toán thực hiện công tác xử lý tài sản, tài chính, NSNN trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy³²; đề nghị Bộ Tài chính cấp bổ sung dự

²⁹ Quyết định số 975/QĐ-BNV ngày 31/12/2024.

³⁰ Quyết định số 14/QĐ-BNV ngày 10/01/2025.

³¹ Các Văn bản: Số 539/BNV-KHTC ngày 22/01/2025; số 1360/BNV-KHTC ngày 27/02/2025.

³² Văn bản số 328/BNV-KHTC ngày 15/01/2025.

toán NSNN kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản năm 2025³³; giao bổ sung dự toán chi NSNN năm 2024 theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ³⁴. Thực hiện hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính, NSNN trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy theo các văn bản của Bộ Tài chính³⁵; triển khai kế hoạch kiểm tra xét duyệt quyết toán NSNN năm 2024 tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; thực hiện chấn chỉnh công tác lập, xét duyệt báo cáo quyết toán năm tại Bộ Nội vụ³⁶; báo cáo đề xuất cơ chế xử lý chung đối với các Kết luận thanh tra, kiến nghị kiểm toán không còn khả năng thực hiện³⁷.

b) Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công: Trong Quý I/2025, cơ quan chuyên môn của Bộ đã có báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện Thông báo số 47-TB/BCSD ngày 05/02/2024 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ về việc sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; thực hiện đơn đốc các đơn vị theo phân công thực hiện triển khai kiểm kê tài sản công theo yêu cầu, hướng dẫn của Bộ Tài chính; triển khai thực hiện Văn bản số 14668/BTC-QLCS ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính về phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu³⁸; ban hành Kế hoạch kiểm tra tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo Văn bản số 1456/BTC-QLCS ngày 10/02/2025 của Bộ Tài chính³⁹; điều chỉnh phân công Trưởng Ban Chỉ đạo Tổng kiểm kê tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ⁴⁰; tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tổng kiểm kê đã ban hành.

c) Công tác đầu tư phát triển, quản lý đấu thầu: Thực hiện thông báo chỉ tiêu kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư năm 2025⁴¹; góp ý, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên NSNN để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự toán đã đầu tư xây dựng⁴²; cập nhật, bổ sung thông tin báo cáo rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến dự án gửi Bộ Tài chính⁴³.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Hoàn thiện môi trường pháp lý: Bộ đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025⁴⁴; ban hành Kế hoạch⁴⁵ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày

³³ Văn bản số 395/BNV-KHTC ngày 17/01/2025.

³⁴ Quyết định số 18/QĐ-BNV ngày 13/01/2025.

³⁵ Các Văn bản: Số 8429/BNV-KHTC ngày 24/12/2024; số 328/BNV-KHTC ngày 15/01/2025; số 930/BNV-KHTC ngày 11/02/2025; số 349/BNV-KHTC ngày 15/3/2025.

³⁶ Văn bản số 1168/BNV-KHTC ngày 21/02/2025.

³⁷ Văn bản số 252/BNV-KHTC ngày 12/3/2025.

³⁸ Văn bản số 1100/BNV-KHTC ngày 18/02/2025.

³⁹ Văn bản số 1170/BNV-KHTC ngày 21/02/2025.

⁴⁰ Quyết định số 230/QĐ-BNV ngày 14/3/2025.

⁴¹ Văn bản số 8600/BNV-KHTC ngày 30/12/2024.

⁴² Văn bản số 11/BNV-KHTC ngày 02/01/2025.

⁴³ Văn bản số 342/BNV-KHTC ngày 14/3/2025.

⁴⁴ Quyết định số 82/QĐ-BNV ngày 21/02/2025; Quyết định số 2243/QĐ-LĐTBXH ngày 26/12/2024.

⁴⁵ Quyết định số 86/QĐ-BNV ngày 23/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 165/QĐ-BLĐTBXH ngày 23/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc

22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ.

b) Triển khai Đề án 06 của Chính phủ và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành:

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQG về DC) với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (CSDLQG về CBCCVC): Tính đến ngày 10/3/2025, toàn bộ **36** bộ, ngành và **63** địa phương đã hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu với CSDLQG về CBCCVC. Tổng số dữ liệu được đồng bộ về đạt **2.421.896** hồ sơ (trong đó **277.964** hồ sơ của bộ, ngành; **2.143.932** hồ sơ của địa phương). Bộ Nội vụ đã phối hợp với Bộ Công an đối khớp được tổng cộng **1.276.626** hồ sơ CBCCVC từ CSDLQG về CBCCVC với CSDLQG về DC trong tổng số **1.276.686** hồ sơ đã được phê duyệt. Hiện nay, **07** bộ, ngành và **03** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn đang khẩn trương cập nhật đầy đủ các trường thông tin (**07** bộ, ngành: Bộ Ngoại giao, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Văn phòng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Quốc hội; **03** tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Trà Vinh, Bến Tre).

04 bộ, ngành có chất lượng dữ liệu, tỉ lệ kê khai các trường thông tin trong hồ sơ CBCCVC đạt tỷ lệ thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của Bộ Nội vụ gồm: Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Đại học Quốc gia Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với **03** CSDL chuyên ngành của Bộ Nội vụ (CSDL về tổ chức bộ máy và biên chế; CSDL hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ; CSDL quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC): Hoàn thành phần mềm cập nhật dữ liệu cho **03** CSDL chuyên ngành.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa giữa CSDLQG về DC với CSDL lao động, việc làm: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an đã hoàn thành Phần mềm thu thập, cập nhật, phát triển CSDL về lao động - việc làm gắn với CSDLQG về dân cư và bàn giao CSDL về lao động, việc làm (Cục Việc làm) được thu thập, bổ sung dựa trên nền tảng CSDLQG về DC. Hiện nay, Cục Việc làm đang phối hợp với lực lượng công an địa phương để cập nhật, xác minh, bổ sung thông tin về người lao động trên CSDLQG về DC.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa giữa CSDLQG về DC với CSDL người có công: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trước khi hợp nhất với Bộ Nội vụ) đã phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng đối với Hệ thống thông tin, CSDL về người có công. Hiện nay, Cục Người có công đang phối hợp với Bộ Công an thực hiện cập nhật dữ liệu đối tượng người có công với cách mạng trên hệ thống CSDLQG về DC.

- Kết quả kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về DC với trẻ em: Hệ thống CSDL trẻ em được duy trì việc kết nối và chia sẻ dữ liệu với CSDLQG về DC. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trước khi hợp nhất với Bộ Nội vụ) đã hoàn tất việc bổ sung Căn cước công dân (CCCD) cho gần **18 triệu** CSDL trẻ em, thực hiện

xong việc làm giàu khoảng hơn **5 triệu** dữ liệu trẻ em đối với CSDLQG về DC. Việc bổ sung, cập nhật và xác minh thông tin về trẻ em được các địa phương thường xuyên thực hiện. Từ 01/3/2025, CSDL trẻ em đã được chuyển giao sang Bộ Y tế quản lý.

- Kết quả kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội: Hệ thống CSDL về bảo trợ xã hội được duy trì việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDLQG về DC. CSDL về bảo trợ xã hội có hơn **3,8 triệu** đối tượng, trong đó đã có hơn **3,5 triệu** đối tượng đang hưởng đã được cấp định danh cá nhân/CCCD, hơn **2,9 triệu** đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng đã được xác thực thành công qua CSDLQG về DC. Việc bổ sung, cập nhật và xác minh thông tin về đối tượng bảo trợ xã hội được các địa phương thường xuyên thực hiện. Từ 01/3/2025, CSDL về bảo trợ xã hội đã được chuyển giao sang Bộ Y tế quản lý.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về DC với CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo: Hệ thống CSDL về hộ nghèo, hộ cận nghèo được duy trì kết nối với CSDLQG về DC. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trước khi hợp nhất với Bộ Nội vụ) đã xác minh, bổ sung CCCD hoặc mã định danh cho hơn **5,5 triệu** người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên tổng số **7,5 triệu** người tương ứng với **1,9 triệu** hộ. Từ 01/3/2025, CSDL về hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được chuyển giao sang Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

c) Triển khai nền tảng, hệ thống:

Triển khai Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành Voffice để thực hiện việc xử lý văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ trong xử lý văn bản điện tử trong và ngoài Bộ. Triển khai Hệ thống thư điện tử công vụ thuận tiện cho người sử dụng: Người dùng có thể sử dụng, kiểm tra thư điện tử cả trên môi trường web, trên các máy tính cá nhân có kết nối mạng, trên các thiết bị di động và có tính bảo mật cao.

Triển khai Nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ (LGSP- Local Government Service Platform), kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (NDXP) qua mạng Truyền số liệu chuyên dùng để đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin. Thông qua NDXP, đến nay đã kết nối được với các cơ sở dữ liệu sau: Về đăng ký doanh nghiệp; về bảo hiểm xã hội; về văn bản pháp luật; QG về dân cư; danh mục dùng chung...

d) Phát triển hạ tầng số:

Đảm bảo Trung tâm Tích hợp dữ liệu (TTTHDL) của Bộ vận hành ổn định. Các máy chủ và thiết bị mạng được kiểm tra, bảo dưỡng và bảo trì định kỳ cũng như phát hiện và xử lý sự cố kịp thời, giảm thiểu các rủi ro đối với hệ thống; liên tục triển khai các giải pháp kỹ thuật để hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả. Tiếp tục hỗ trợ các đơn vị về cấp tài nguyên hệ thống phục vụ hosting cho các cổng/trang thông tin, phần mềm ứng dụng và CSDL tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của Bộ. Đảm bảo các trang/cổng thông tin, phần mềm ứng dụng đang hosting tại TTTHDL của Bộ hoạt động ổn định. Quản lý, theo dõi các VLAN phát hiện và cô lập kịp thời các vùng mạng bị nhiễm hoặc là nguồn phát tán virus, tránh ảnh hưởng tới hệ thống chung.

Triển khai hệ thống tường lửa ứng dụng web (WAF) và đảm bảo an toàn thông tin cho Hệ thống thư điện tử công vụ của Bộ. Theo dõi, kiểm tra và đưa ra các giải pháp nhằm đảm bảo băng thông tại các đường truyền, giúp hoạt động cung cấp thông tin cho các Trang/Cổng thông tin điện tử của Bộ và các đơn vị được liên tục, kịp thời; theo dõi, ngăn chặn spam trong hệ thống.

đ) Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin mạng:

Hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ một số giải pháp tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, an ninh mạng. Phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý, ngăn chặn hệ thống mạng của Bộ bị tấn công từ chối dịch vụ từ các máy tính có nguồn gốc ở nước ngoài; hạn chế những rủi ro có thể gây ra đối với các hệ thống thông tin của Bộ. Thực hiện đánh giá cấp độ của các hệ thống thông tin theo hướng dẫn tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ. Thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của các đơn vị thuộc Bộ.

Thực hiện đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin mạng các hệ thống CSDL kết nối với CSDL quốc gia về dân cư bao gồm các CSDL về: Bảo trợ xã hội; hộ nghèo, hộ cận nghèo; Người có công; trẻ em. Từ 01/3/2025, các CSDL bao gồm: Bảo trợ xã hội; trẻ em; hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được chuyển giao sang Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

Phối hợp với Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ công an và Trung tâm ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam VNCERT thực hiện rà quét an toàn bảo mật hệ thống mạng, hệ thống máy chủ của Bộ; định kỳ thực hiện theo dõi, phân tích log tường lửa, máy chủ, các thiết bị an ninh mạng; Quản lý cấu hình thiết bị mạng, máy chủ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu; cập nhật bản vá hệ điều hành, các thiết bị bảo mật; Cập nhật bản quyền cho hệ thống Mail Gateway; kịp thời thông báo và phối hợp rà quét, xử lý các cảnh báo về mã độc, lỗ hổng mất an toàn thông tin.

e) Về thông tin, tuyên truyền: Trong Quý I/2025, Bộ Nội vụ tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ nói chung và đối với lĩnh vực phát triển Chính phủ số, Chuyển đổi số của Bộ Nội vụ nói riêng trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ và Báo Dân trí, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động điện tử, Bản tin điện tử CCHC, Kênh Zalo - OA của Bộ Nội vụ.

g) Về thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và lộ trình áp dụng TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, Bộ trưởng ký Quyết định số 23/QĐ-BNV ngày 15/01/2025 ban hành quy trình ISO của Bộ Nội vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; Quyết định số 121/QĐ-BNV ngày 25/02/2025 ban hành Kế hoạch duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN 9001:2015 vào hoạt động của Bộ Nội vụ năm 2025.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác CCHC tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ, sự vào cuộc của lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

- Công tác tham mưu, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC được thực hiện kịp thời trên cơ sở bám sát Kế hoạch CCHC năm 2025 của Bộ và các văn bản hướng dẫn, qua đó bảo đảm tiến độ, hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Bộ.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC của một số đơn vị còn mang tính hình thức, một số đơn vị chưa bám sát yêu cầu, hướng dẫn, chưa đảm bảo về thời gian chốt số liệu, thời hạn về chế độ báo cáo định kỳ.

- CCVC chuyên trách (phụ trách) công tác CCHC ở một số đơn vị thường xuyên thay đổi dẫn đến chất lượng tham mưu không hiệu quả; một số CCVC chuyên trách công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị chưa được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác CCHC. Vì vậy, chất lượng tham mưu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC còn hạn chế.

- Bộ Nội vụ sau hợp nhất, hoạt động từ ngày 01/3/2025 nên kết quả thực hiện công tác CCHC theo các lĩnh vực công tác của Bộ chưa được cập nhật kịp thời, dữ liệu, số liệu chưa bảo đảm đầy đủ thông tin, hệ thống, chính xác.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG QUÝ II NĂM 2025

1. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC của Bộ, thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC của Bộ, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, tổ chức triển khai Kế hoạch tăng cường năng lực đội ngũ CBCC thực hiện công tác CCHC năm 2025; theo dõi, đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện công tác CCHC theo kế hoạch CCHC của từng bộ, cơ quan, địa phương và Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Tiểu Ban CCHC thuộc Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

2. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch CCHC năm 2025 của Bộ Nội vụ trên cơ sở bám sát Nghị quyết số 76/NQ-CP và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tập trung xây dựng, triển khai các đề án, dự án về CCHC được giao tại Nghị quyết số 76/NQ-CP; các nhiệm vụ CCHC trọng tâm được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 23/CT-TTg.

3. Tiếp tục tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-BNV ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; hoàn thiện Báo cáo Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2024 (PAR INDEX 2024), Báo cáo Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của

cơ quan hành chính nhà nước năm 2024 (SIPAS 2024) trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, quyết định; tổ chức Hội nghị công bố 02 Chỉ số.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; thực hiện xây dựng các VBQPPL, đề án được giao, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng.

5. Tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tăng cường thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa trong giải quyết TTHC; đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

6. Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định mới của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy; triển khai nhiệm vụ sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Hợp nhất các ban chỉ đạo về cải cách hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, gắn kết chặt chẽ với thực hiện chính sách tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; tổ chức thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển CBCC, bảo đảm đúng với điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí việc làm được phê duyệt.

7. Tiếp tục kiểm tra trách nhiệm trong xử lý công việc; kỷ luật lao động, kỷ cương hành chính, văn hóa, đạo đức công vụ đối với CBCCVC và người lao động trong Bộ Nội vụ; xây dựng và áp dụng chế độ thanh tra, kiểm tra công vụ, quy định thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ; kịp thời xử lý nghiêm những cá nhân có sai phạm theo đúng quy định của pháp luật.

8. Tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số của Bộ theo các kế hoạch đã ban hành.

9. Tăng cường công tác kiểm tra CCHC tại các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Huy

**Phụ lục I****DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC CẤP
CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH TRONG QUÝ I NĂM 2025***(Từ ngày 15/12/2024 đến thời điểm báo cáo)**(Kèm theo Báo cáo số 663 /BC-BNV ngày 26 / 3 /2025 của Bộ Nội vụ)*

STT	CƠ QUAN BAN HÀNH/VBQPPL
I	QUỐC HỘI
1.	Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15.
2.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.
3.	Nghị quyết số 176/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.
4.	Nghị quyết số 177/2025/QH15 ngày 18/02/2025 của Quốc hội về cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.
II	CHÍNH PHỦ
1.	Nghị định số 169/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân phường của thành phố Hà Nội.
2.	Nghị định số 170/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng.
3.	Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng.
4.	Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.
5.	Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.
6.	Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
7.	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.
8.	Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

STT	CƠ QUAN BAN HÀNH/VBQPPL
9.	Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.
10.	Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.
III	BỘ NỘI VỤ
1.	Thông tư số 14/2024/TT-BNV ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy định cập nhật, khai thác, sử dụng và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.
2.	Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.
3.	Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức.
IV	BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
1.	Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
2.	Thông tư số 15/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành.
3.	Thông tư số 01/2025/TT-BLĐTBXH ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập đã đóng bảo hiểm xã hội.
4.	Thông tư số 02/2025/TT-BLĐTBXH ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.
5.	Thông tư số 03/2025/TT-BLĐTBXH ngày 11/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động.
6.	Thông tư số 04/2025/TT-BLĐTBXH ngày 20/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng viên chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực việc làm.
7.	Thông tư số 05/2025/TT-BLĐTBXH ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện dịch vụ giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.



Phụ lục II
THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA BỘ NỘI VỤ QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số **663** /BC-BNV ngày **26** / **3** /2025 của Bộ Nội vụ)

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			Vụ CCHC	
1.1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	5	Vụ CCHC	
1.2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (tỷ lệ đến thời điểm báo cáo)	%	-	Vụ CCHC	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	66	Vụ CCHC	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	-	Vụ CCHC	
1.3.	Kiểm tra CCHC			Vụ CCHC	
1.2.1.	Số cơ quan, đơn vị thuộc bộ đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	Vụ CCHC	
1.2.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	Vụ CCHC	
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	Vụ CCHC	
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	Vụ CCHC	
1.4.	Thực hiện nhiệm vụ CP, TTg giao			Văn phòng Bộ	
1.4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	81 (100%)	Văn phòng Bộ	
1.4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	20 (24,7%)	Văn phòng Bộ	Trong đó, 10 nhiệm vụ đang chờ VPCP xác nhận hoàn thành
1.4.3.	Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn	Nhiệm vụ	57 (70,3%)	Văn phòng Bộ	
1.4.4.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	4 (5%)	Văn phòng Bộ	
1.5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Không = 0 Có = 1		Văn phòng Bộ	
1.5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	31	Văn phòng Bộ	

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	Bảng hỏi	Văn phòng Bộ	
2.	Cải cách thể chế			Vụ Pháp chế	
2.1.	Tổng số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.1.1.	Số luật, pháp lệnh được thông qua	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.1.2	Số nghị định được ban hành	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.1.3	Số thông tư được ban hành	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.2.	Tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết	Văn bản		Vụ Pháp chế	
2.2.1	Tổng số văn bản quy định chi tiết được cấp có thẩm quyền giao	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.2.2	Số văn bản quy định chi tiết đã được ban hành	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.2.3	Số văn bản quy định chi tiết còn nợ đọng (quá hạn)	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.3.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		Vụ Pháp chế	
2.3.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.3.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.4.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		Vụ Pháp chế	
2.4.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
2.4.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	Vụ Pháp chế	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			Văn phòng Bộ	
3.1.	Thông kê TTHC	Thủ tục		Văn phòng Bộ	
3.1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	Văn phòng Bộ	Trong quá trình tham mưu sửa đổi, bổ sung các VBQPPL đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa tổng số 41/110 TTHC (đạt 37,

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
					27%), Bộ Nội vụ đã có Bảo cáo số 306/BC-BNV ngày 19/01/2024 gửi Văn phòng Chính phủ
3.1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	Văn phòng Bộ	
3.1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	4	Văn phòng Bộ	
3.1.4.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực thuộc ngành, lĩnh vực do bộ quản lý	Thủ tục	348	Văn phòng Bộ	
Trong đó	Số TTHC cấp Trung ương:	Thủ tục	153	Văn phòng Bộ	
	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	156	Văn phòng Bộ	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	33	Văn phòng Bộ	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	6	Văn phòng Bộ	
3.2.	Cải giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh			Văn phòng Bộ	
3.2.1.	Tổng số quy định đã được thống kê	Quy định	83	Văn phòng Bộ	
3.2.2.	Số quy định đã được phê duyệt phương án cải giảm, đơn giản hóa	Quy định	71	Văn phòng Bộ	
3.2.3.	Số quy định đã chính thức được cải giảm, đơn giản hóa	Quy định	76	Văn phòng Bộ	- Bộ Nội vụ hoàn thành cải giảm, đơn giản hóa 71/71 quy định liên quan đến HKKD (các lĩnh vực thuộc Bộ LĐTBXH chuyển về BNV) được phê duyệt Quyết định số 2230/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của TTCP. - Ngoài ra, khi tham mưu

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
					Lưu trữ (sửa đổi) (đã được Quốc hội thông qua ngày 21/6/2024), đã cắt giảm, đơn giản hóa 05/12 QĐKD lĩnh vực Lưu trữ.
3.2.4.	Chi phí tuân thủ quy định đã giảm sau khi thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa	Triệu đồng	0	Văn phòng Bộ	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			Văn phòng Bộ	
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	Văn phòng Bộ	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	Văn phòng Bộ	
3.3.3.	Số TTHC (thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ) đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	15	Văn phòng Bộ	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			Văn phòng Bộ	
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	-	Văn phòng Bộ	
3.4.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	-	Văn phòng Bộ	
3.4.1.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	-	Văn phòng Bộ	
3.4.2.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		Văn phòng Bộ	
3.4.2.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	2	Văn phòng Bộ	
3.4.2.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	2	Văn phòng Bộ	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			Vụ Tổ chức cán bộ	
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			Vụ Tổ chức cán bộ	
4.1.1.	Tham mưu ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy	Đã trình CP = 2	2	Vụ Tổ chức	

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
	định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ	Đã có dự thảo = 1 Chưa có dự thảo = 0		cán bộ	
4.1.2.	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định.	Hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.1.3.	Ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ.	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.1.4.	Số tổ chức liên ngành do bộ, cơ quan thành lập hoặc được giao chủ trì thực hiện.	Tổ chức	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.4.	Số biên chế đã tính giảm trong kỳ báo cáo	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tính giảm so với năm 2015	%	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			Vụ Tổ chức cán bộ	
4.3.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	-	Vụ Tổ chức	

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
				cán bộ	
4.3.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	Chỉ tính viên chức
4.3.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc Bộ.	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.3.4.	Số biên chế đã tính giảm trong kỳ báo cáo	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
4.3.5.	Tỷ lệ % biên chế đã tính giảm so với năm 2015	%	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.	Cải cách chế độ công vụ, công chức			Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.1.	Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý (theo quy định tại Nghị định 62/2020/NĐ-CP)	Đã ban hành = 1 Chưa ban hành = 0	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.2.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.3.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.1.4.	Số cơ quan, tổ chức có vị phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			Vụ Tổ chức cán bộ	
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
5.2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (tỷ lệ từ đầu năm)		-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp Bộ bị kỷ luật	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục thuộc Bộ bị kỷ luật	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.4.3.	Số lãnh đạo của các tổ chức bên trong các vụ, cục, tổng cục thuộc Bộ bị kỷ luật.	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	-	Vụ Tổ chức cán bộ	
6.	Cải cách tài chính công			Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	381.163	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Chưa có số liệu báo cáo
6.2.	Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý của bộ (theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP)	Đầy đủ = 2 Chưa đầy đủ = 1 Chưa ban hành = 0	-	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (DVSN) thuộc			Vụ Kế hoạch -	

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm) <i>bộ, cơ quan (lưu ý kể đến thời điểm báo cáo)</i>	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
6.3.1.	Tổng số DVSN thuộc Bộ	Đơn vị	30	Vụ Kế hoạch - Tài chính	06 đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên
6.3.2.	Số DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	2	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.3.	Số DVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	7	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.4.	Số DVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	15	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.4.1.	Số DVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.4.2.	Số DVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
6.3.4.3.	Số DVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	Vụ Kế hoạch - Tài chính	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			Trung tâm Công nghệ thông tin	
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính phủ điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Trung tâm Công nghệ thông tin	
7.2.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo				
7.2.1.	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa làm = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	Trung tâm Công nghệ thông tin	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
7.2.2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		Trung tâm Công nghệ thông tin	
7.3.	Tỷ lệ hồ sơ công việc của bộ được xử lý trên môi trường mạng	%	100%	Văn phòng Bộ	Không bao gồm văn bản mật
7.4.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của Bộ (chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử)	Văn bản	100%	Văn phòng Bộ	Không bao gồm văn bản mật
7.5.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin mới của điện tử tập trung của Bộ			Văn phòng Bộ	
7.5.1.	Xây dựng Hệ thống thông tin mới của điện tử	Đã hoàn thành = 1 Chưa hoàn thành = 0	1	Văn phòng Bộ	
7.5.2.	Hệ thống thông tin mới của điện tử đã kết nối liên thông với 100% đơn vị có chức năng giải quyết TTHC của Bộ (các Vụ, Cục, Tổng cục,...)	Đạt 100% = 1 Chưa đạt 100% = 0	1	Văn phòng Bộ	
7.6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			Văn phòng Bộ	
7.6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%			
7.6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	TTHC	15	Văn phòng Bộ	
7.6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	TTHC	15	Văn phòng Bộ	
7.6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	-	Văn phòng Bộ	
7.6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%		Văn phòng Bộ	
7.6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	TTHC	15	Văn phòng Bộ	
7.6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	TTHC	15	Văn phòng Bộ	
7.6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	-	Văn phòng Bộ	

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hằng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
7.6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	-	Văn phòng Bộ	
7.6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình của Bộ	TTHC	15	Văn phòng Bộ	
7.6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	TTHC	15	Văn phòng Bộ	
7.6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	-	Văn phòng Bộ	
7.6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	-	Văn phòng Bộ	
7.6.4.2	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	-	Văn phòng Bộ	
7.6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	-	Văn phòng Bộ	
7.6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (<i>tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí...</i>)	TTHC	10	Văn phòng Bộ	
7.6.5.2.	Số TTHC đã được triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của Bộ	TTHC	0	Văn phòng Bộ	Đã có đầu chờ sẵn sàng thanh toán



Phụ lục III
THÔNG KÊ SỔ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHÍNH PHỦ GIAO
(Kèm theo Báo cáo số **663** /BC-BNV ngày **26** / **3** /2025 của Bộ Nội vụ)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)</i>	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước				
1.1.	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (Tính lũy kế từ năm 2021 đến thời điểm báo cáo)				
1.1.1.	Số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đã được Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức.	Bộ, cơ quan	21/22	Vụ Tổ chức - Biên chế	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ đang hoàn thiện để báo cáo Bộ Chính trị theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Văn bản số 13438-CV/VPTW ngày 18/02/2025 của VPTW
1.1.2.	Số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đã hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ.	Bộ, cơ quan		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.1.3.	Số bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.	Bộ, cơ quan		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.2.	Kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tại địa phương (Tính lũy kế từ đầu năm)				
1.2.1.	Tổng số cơ quan, tổ chức hành chính được cắt giảm	Cơ quan, tổ chức		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.2.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập được cắt giảm	Đơn vị		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.2.3.	Số tỉnh/thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Tỉnh/Thành phố		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.3.	Sổ liệu về tình hình biên chế (Tính lũy kế từ đầu năm)				

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.3.1.	Tổng số biên chế công chức đã được tinh giản	Người		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.3.2.	Tỷ lệ phần trăm biên chế công chức đã tinh giản so với năm 2015	%		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.3.3.	Tổng số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập đã được tinh giảm	Người		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.3.4.	Tỷ lệ % biên chế sự nghiệp đã tinh giản so với năm 2015	%		Vụ Tổ chức - Biên chế	
1.4.	Cải cách chính quyền địa phương				
1.4.1.	Tổng số đơn vị hành chính cấp huyện	Đơn vị		Vụ Chính quyền địa phương	
1.4.2.	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	Đơn vị		Vụ Chính quyền địa phương	
1.4.3.	Tỷ lệ % cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định	%		Vụ Chính quyền địa phương	
1.4.4.	Tỷ lệ % công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	%		Vụ Chính quyền địa phương	
2.	Cải cách chế độ công vụ				
2.1.	Số bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý.	Bộ, cơ quan		Vụ Tổ chức - Biên chế	
2.2.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (tỷ lệ kể từ đầu năm)	Người		Vụ Công chức - Viên chức	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng cho kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng và báo cáo năm)	Kết quả thống kê		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
2.3.	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính				
2.3.1.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức tại bộ, cơ quan Trung ương bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)	Người		Vụ Công chức - Viên chức	
2.3.2.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)	Người		Vụ Công chức - Viên chức	
2.4.	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức				
2.4.1.	Tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức tại bộ, ngành Trung ương được đào tạo, bồi dưỡng (Tính lũy kế từ đầu năm).	Lượt		Vụ Công chức - Viên chức	
2.4.2.	Tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương được đào tạo, bồi dưỡng (Tính lũy kế từ đầu năm).	Lượt		Vụ Công chức - Viên chức	